UBND TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1506/QĐ-TĐHHT, ngày 29/8/2016 của Hiệu trưởng)

Tên chương trình: **NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Trung Quốc**
Mã số: **52220204**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Trung Quốc theo các định hướng: Biên-Phiên dịch, Tiếng Trung du lịch - thương mại nhằm đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khoẻ tốt; có kiến thức và năng lực giải quyết tốt các công việc liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Kiến thức**: Hiểu và vận dụng tốt các nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm bắt và áp dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của Ngữ âm - văn tự tiếng Trung Quốc, Ngữ pháp tiếng Trung, Hán ngữ cổ đại, Hán Nôm, cú pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc, văn hoá, văn học, lịch sử, con người, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Trung Quốc, sự giao thoa văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, các kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch, du lịch, thương mại.

- **Kỹ năng**: Kỹ năng tự nghiên cứu, tích luỹ, cập nhật kiến thức, tư duy sáng tạo và khoa học, làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như công tác biên-phiên dịch liên quan đến tiếng Trung khách sạn - du lịch thương mại hoặc tiếng Trung công sở.

- **Thái độ**: Có trách nhiệm, nhiệt tình đối với công việc, có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực thực hành ngôn ngữ Trung Quốc về nghe, nói, đọc, viết và trong các hoạt động biên-phiên dịch.

- **Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có thể:

+ Làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Trung Quốc, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội;

+ Làm việc trong các văn phòng, các công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lý các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Trung Quốc;

+ Trở thành cán bộ ngôn ngữ Trung Quốc học lên trình độ cao học. Ngoài ra sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy ngoại ngữ.

- Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

- Có kiến thức về ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào, vận dụng trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn;

+ Tin học: Có kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức đại cương chung cho chương trình cử nhân đại học nhằm trang bị các kiến thức nền tảng chung ở bậc cử nhân, kiến thức phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan, tư tưởng, đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước … để học tập, nghiên cứu và làm việc trọn đời;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn;

- Nắm bắt và áp dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc;

- Nắm vững những kiến thức cơ bản, nâng cao của Ngữ pháp tiếng Trung và những kỹ năng phân tích ngữ pháp trong quá trình vận dụng ngôn ngữ;

- Nắm bắt được những kiến thức về văn hoá, văn học, lịch sử, con người, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Trung Quốc, sự giao thoa văn hóa giữa Việt

Nam và Trung Quốc, từ đó có thể vận dụng được những kiến thức này vào trong công việc;

- Có kiến thức tốt về tiếng Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc ở trình độ bậc 5 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam quy định;

- Nắm vững các kiến thức về Hán ngữ cổ đại, Hán Nôm, cú pháp, và từ vựng tiếng Trung Quốc;

- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch, du lịch, thương mại, để phục vụ công tác biên- phiên dịch và các công việc thực tiễn tại văn phòng công ty. Đồng thời, mở rộng các kỹ năng cần thiết khác, làm quen với thực tế thị trường và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn;

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc thông qua việc tiến hành nghiên cứu theo chuyên ngành hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Thông qua chương trình thực tập, học tập ở nước ngoài hoặc học các học phần thay thế, để có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ phiên dịch, du lịch, thương mại đã học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng công ty. Đồng thời, mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người biên, phiên dịch, đáp ứng được yêu cầu thực tế của xã hội;

- Có kiến thức về ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào, vận dụng trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn;

- Đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng nghề nghiệp*

- Kỹ năng làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như công tác biên - phiên dịch liên quan đến tiếng Trung;

- Kỹ năng tự học, nghiên cứu, tích luỹ, cập nhật kiến thức, tư duy sáng tạo và khoa học để giải quyết các vấn đề liên quan;

- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tìm kiếm, kiến tạo việc làm cho mình và cho người khác; có khả năng thích ứng nhanh với công việc, môi trường làm việc khác nhau, tự tin với nghề nghiệp;

- Kỹ năng tìm kiếm, kiến tạo việc làm và thích ứng nhanh với công việc.

** Kỹ năng mềm*

- Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);

- Kỹ năng làm việc cặp, nhóm và có khả năng làm việc độc lập theo nguyên tắc và đạt hiệu quả cao trong công việc. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

- Các kỹ năng mềm khác phục vụ cho cuộc sống và phát triển cơ hội nghề nghiệp của sinh viên.

- Có kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh, điều kiện và môi trường làm việc.

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 TC *(không kể GDTC và GDQP-AN).*

4. Đối tượng tuyển sinh

Tất cả công dân Việt Nam có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học bổ túc văn hoá hoặc trung học chuyên nghiệp, và sinh viên quốc tế trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển, có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt hoặc đối tượng được tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm tuyển sinh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

7. Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên cơ sở tham khảo chương trình khung trình độ đại học của các trường đại học có đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày14/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ.

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số TC			Điều kiện tiên quyết	Mức Đào tạo
			LT	BT/ TH	Tự học		
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 30 TC *(chưa kể GDTC và GDQP)*							
7. 1.1. Lý luận chính trị		**12**					
30411001	Những NLCB của CN Mác–Lênin 1	2	21	9	60		1
30411002	Những NLCB của CN Mác–Lênin 2	3	32	13	90	30411001	1
30421002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	60		1
30421001	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	30	15	90	30422002	2
30432001	Pháp luật đại cương	2	21	9	60		1
7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn		**15**					
- Học phần bắt buộc		*3*					
31012123	Phát triển kỹ năng *(NCKH, KN mềm, KN học tập, KN tìm kiếm việc làm…)*	3	30	15	90		1
- Học phần tự chọn (chọn 2 học phần)		*6*					
30221126	Tiếng Việt thực hành	3	30	15	90		3
30211123	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30	15	90		3
30222124	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	30	15	90		3
Ngôn ngữ (Chọn 2 học phần Tiếng Anh/ Tiếng Việt)		*6*					
30321001	Tiếng Anh 1	3	29	16	90		1
30321002	Tiếng Anh 2	3	29	16	90	30321001	1
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3	33	12	90		1
30322014	Tiếng Việt nâng cao 2	3	32	13	90	30322013	1
7. 1.3. Khoa học tự nhiên		**3**					
- Bắt buộc		*3*					
30511001	Tin học đại cương	3	30	30	75		1
7.1.4. Giáo dục thể chất		**3***					1
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	0	30*	30		1
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*	0	30*	30		1

30992113	Giáo dục thể chất 3	1*	0	30*	30		1
7.1.5. Giáo dục quốc phòng		**8**					1
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	90		1
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	60		1
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*	0	90*	45		1
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		**90**					
7.2.1. Kiến thức ngành Bắt buộc		**48**					
30331000	Tiếng Trung tổng hợp 1	3	30	15	90		1
30331001	Tiếng Trung tổng hợp 2	3	30	15	90	30331000	1
30332002	Tiếng Trung tổng hợp 3	3	30	15	90	30331001	1
30332003	Tiếng Trung tổng hợp 4	3	30	15	90	30332002	2
30331004	Kỹ năng Nghe 1	3	30	15	90	30331000	1
30332005	Kỹ năng Nghe 2	3	30	15	90	30331004	1
30332006	Kỹ năng Nghe 3	3	30	15	90	30332005	2
30331007	Kỹ năng Nói 1	3	30	15	90	30331000	1
30332008	Kỹ năng Nói 2	3	30	15	90	30331007	1
30332009	Kỹ năng Nói 3	3	30	15	90	30332008	2
30331010	Kỹ năng Đọc - Viết 1	3	30	15	90	30331000	1
30332011	Kỹ năng Đọc - Viết 2	3	30	15	90	30331010	1
30332012	Kỹ năng Đọc - Viết 3	3	30	15	90	30332011	2
30334013	Kỹ năng Đọc - Viết 4	3	30	15	90	30332012	3
30331014	Ngữ pháp tiếng Trung	3	30	15	90	30332003	1
30334015	Tiếng Trung cổ đại	3	30	15	90	30331000 30332014	3
7.2.2. Kiến thức ngành bổ trợ		**15**					
7.2.2.1. Kiến thức văn hóa-văn học		**9**		**9**			
- Bắt buộc		*3*		*3*			
30334016	Đất nước học Trung Quốc	3	30	15	90	30332003	3
30332042	Văn hóa Trung Quốc	3	30	15	90		2
- Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)		*3*		*3*			
30334017	Giao thoa văn hóa	3	30	15	90	30332003	3
30334018	Trích giảng văn học Trung Quốc	3	30	15	90	30332003	3
7.2.2.2. Kiến thức ngôn ngữ		**6**		**6**			
- Bắt buộc		*3*		*3*			
30331019	Ngữ âm - Văn tự tiếng Trung	3	30	15	90		1
- Tự chọn 1 (chọn 1 trong 4 học phần)		3		3		30332003	
30334020	Từ vựng học tiếng Trung	3	30	15	90	30331019	3
30334021	Ngữ dụng học	3	30	15	90	30332003 30332014	3
30334022	Hán Nôm	3	30	15	90	30332014 30333026	3

30334023	Cú pháp học tiếng Trung	3	30	15	90	30332003	3
7.2.3. Thực tập, học nghề hoặc học thuật		**27**					
Sinh viên tích lũy đủ 27 TC tự chọn sau đây							
- Hình thức 1: Thực tập 1 năm tại cơ sở thực tập		*27*					*2*
+ Thực tập 1 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9	0	405			2
+ Thực tập 2 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9	0	405			2
+ Thực tập tốt nghiệp và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9	0	405			2
- Hình thức 2: Du học tại các nước có sử dụng tiếng Trung Quốc		*27*					*2*
Sinh viên hoàn thành 27 TC của trường sở tại		27					2
- Hình thức 3: Chương trình học thuật		27					
+ 6 học phần chuyên sâu		*18*					
Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung		*18*					
30333024	Biên dịch 1	3	30	15	90	30333026	2
30333025	Phiên dịch1	3	30	15	90	30333026	2
30333026	Lý thuyết dịch	3	30	15	90	30332003	2
30333027	Phiên dịch 2	3	30	15	90	30333025	2
30333028	Biên dịch 2	3	30	15	90	30333024	2
30333029	Phiên dịch 3	3	30	15	90	30333027	2
Định hướng chuyên ngành tiếng Trung TM - du lịch		*18*					
30333030	Phiên dịch thương mại	3	30	15	90	30333026	2
30333031	Biên dịch thương mại	3	30	15	90	30333026	2
30333032	Tiếng Trung công sở	3	30	15	90		2
30333033	Tiếng Trung thương mại 1	3	30	15	90		2
30333034	Tiếng Trung du lịch - khách sạn	3	30	15	90		2
30333035	Tiếng Trung du lịch 1	3	30	15	90		2
+ Thực tập tốt nghiệp		*3*					*3*
30333036	Thực tập tốt nghiệp	3	0	135			3
+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế		*6*					*3*
Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung		6					
30333037	Phiên dịch nâng cao	3	30	15	90	30333026	3
30333038	Biên dịch nâng cao	3	30	15	90	30333026	3
Định hướng chuyên ngành Tiếng Trung TM - du lịch		*6*					
30333039	Tiếng Trung thương mại 2	3	30	15	90	30333033	3
30333040	Tiếng Trung du lịch 2	3	30	15	90	30333035	3
Tổng khối lượng toàn khóa		**120**					

Ghi chú: *Mức 1: Dạy ở Kỳ: 1, 2, 3; Mức 2: Dạy ở kỳ: 4, 5, 6; Mức 3: Dạy ở kỳ: 7, 8)*

8. Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học Kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
30411001	Những NLCB của CN Mác–Lênin 1	2	2							
30321001	Tiếng Anh 1	3	3							
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3								
30511001	Tin học đại cương	3	3							
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	1*							
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*		1*						
30992113	Giáo dục thể chất 3	1*			1*					
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3		3						
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2		2						
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*		3*						
30331000	Tiếng Trung tổng hợp 1	3	3							
30331019	Ngữ âm - Văn tự tiếng Trung	3	3							
30221126	Tiếng Việt thực hành	3							3	3
30211123	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3								
30222124	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3								
30411002	Những NLCB của CN Mác–Lênin 2	3	3							
30321002	Tiếng Anh 2	3		3						
30322013	Tiếng Việt nâng cao 2	3								
30331001	Tiếng Trung tổng hợp 2	3		3						
30331004	Kỹ năng Nghe 1	3		3						
30331007	Kỹ năng Nói 1	3		3						
30331010	Kỹ năng Đọc - viết 1	3		3						
30422002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
30432001	Pháp luật đại cương	2			2					
30332002	Tiếng Trung tổng hợp 3	3			3					
30332005	Kỹ năng Nghe 2	3			3					
30332008	Kỹ năng Nói 2	3			3					
30332011	Kỹ năng Đọc - viết 2	3			3					
30422001	Đường lối CM của Đảng CSVN	3				3				
30332003	Tiếng Trung tổng hợp 4	3				3				

30332006	Kỹ năng Nghe 3	3				3				
30332009	Kỹ năng Nói 3	3				3				
30332012	Kỹ năng Đọc - viết 3	3				3				
30334013	Kỹ năng Đọc - viết 4	3							3	
30331014	Ngữ pháp tiếng Trung	3		3						
30334016	Đất nước học trung Quốc	3							3	
30334015	Tiếng Trung cổ đại	3							3	
30332042	Văn hóa Trung Quốc	3				3				
30334018	Trích giảng văn học Trung Quốc	3							3	
30334017	Giao thoa văn hoá	3								
30334020	Từ vựng học tiếng Trung	3								3
30334022	Hán Nôm	3								
30334021	Ngữ dụng học	3								
30334023	Cú pháp học tiếng Trung	3								
31012123	Phát triển kỹ năng	3			3					
Thực tập, học nghề hoặc học thuật		***27***								
Sinh viên chọn một trong 3 hình thức tổ chức										
- Hình thức 1: Thực tập 1 năm tại cơ sở thực tập		*27*					27			
+ Thực tập 1 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9					9			
+ Thực tập 2 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9					9			
+ Thực tập tốt nghiệp và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9					9			
Hình thức 2: Du học tại các nước có sử dụng tiếng Trung		*27*					27			
Sinh viên TT hoặc học theo hình thức trao đổi 1 năm tại đất nước có sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc		27					27			
- Hình thức 3: Chương trình học thuật		***27***								
+ 6 HP chuyên sâu (chọn 1 trong 2 định hướng)		*18*					*18*			
Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung										
30333024	Biên dịch 1	3					3			
30333025	Phiên dịch 1	3					3			
30333028	Biên dịch 2	3						3		
30333027	Phiên dịch 2	3						3		
30333026	Lý thuyết dịch	3					3			
30333029	Phiên dịch 3	3						3		

Định hướng chuyên ngành tiếng Trung TM - du lịch										
30333034	Tiếng Trung du lịch - khách sạn	3						3		
30333031	Biên dịch thương mại	3						3		
30333030	Phiên dịch thương mại	3						3		
30333033	Tiếng Trung thương mại 1	3					3			
30333032	Tiếng Trung công sở	3					3			
30333035	Tiếng Trung du lịch 1	3					3			
+ Thực tập tốt nghiệp		*3*								*3*
30333036	Thực tập tốt nghiệp									3
+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế		*6*								*6*
Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung		*6*								
30334038	Biên dịch nâng cao	3								3
30334037	Phiên dịch nâng cao	3								3
Định hướng chuyên ngành tiếng Trung TM - du lịch		*6*								
30334039	Tiếng Trung thương mại 2	3								3
30334040	Tiếng Trung du lịch 2	3								3
Tổng khối lượng toàn khóa		**120**	**17**	**18**	**19**	**18**	**9**	**9**	**15**	**15**

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình được thiết kế theo cấu trúc đơn ngành (Single Major), xây dựng trên cơ sở vận dụng chương trình khung giáo dục đại học, hệ Chính qui, bậc đại học; tham khảo chương trình trình độ đại học của các trường có đào tạo ngành Ngôn ngữ Tiếng Trung; Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Chương trình đào tạo chung được triển khai trong 4 năm được chia làm 8 học kỳ. Việc sắp xếp bố trí các học phần dựa trên cơ sở điều kiện tiên quyết từng học phần, và đảm bảo tính đồng đều về khối lượng đào tạo giữa các kỳ. Mỗi học kỳ, căn cứ vào dự kiến thời khóa biểu của chương trình, các sinh viên đăng ký các học phần, khoa đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy; Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ tối đa là 6 năm. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp; Người học có thể học vượt tiến độ bằng cách đăng ký nhiều hơn số tín chỉ ở mỗi học kỳ quy định, nhưng thời gian học tập tối thiểu không dưới 3 năm và phải đảm bảo điều kiện tiên quyết các học phần;

- Các học phần Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian, địa điểm thực hiện của học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh tiến hành theo kế hoạch và hợp đồng liên kết giữa Trường Đại học Hà Tĩnh và các đối tác có liên quan;

- Người học có khả năng lựa chọn các học phần khác nhau trong gói các học phần tự chọn để đảm bảo phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp cá nhân và nhu cầu của thị trường lao động đối với từng loại hình công việc;

- Chương trình chi tiết các học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần; Chương trình môn học của chuyên ngành sẽ được đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, sửa đổi;

- Từng học kỳ, giảng viên đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy từng học phần có trách nhiệm xây dựng Đề cương môn học và thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy, đề cương chi tiết học phần theo thời khóa biểu đã xác định.

- Căn cứ chương trình của khóa học và kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, Khoa, cố vấn học tập và giảng viên trực tiếp giảng dạy cần hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học tập cá nhân để từ đó đề ra các giải pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng học tập theo đúng mục tiêu đào tạo của ngành. Chú ý bảo đảm có đủ tài liệu học tập tham khảo cho các học phần quy định trong chương trình.

- Định kỳ Nhà trường và Khoa tổ chức kiểm tra đánh giá chương trình đào tạo, danh mục, thời lượng các học phần để có những điều chỉnh cần thiết nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

10.1.Giáo dục thể chất **4 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD- ĐT ngày 12/9/1995 và quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

10.2. Giáo dục quốc phòng **8 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000 QĐ- BGD & ĐT, ngày 9/5/2000 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

10.3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin **5 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.5. Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam 3 tín chỉ

Nội dung ban hành tại theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.6. Phát triển kỹ năng 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Đây là học phần thuộc khối kiến thức Đại cương và Chuyên ngành, cung cấp cho người học các nội dung đại cương về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành; các kỹ năng sống cơ bản và các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử ... cần cho hoạt động học tập, lao động và tham gia vào cuộc sống xã hội.

10.7. Tiếng Việt thực hành 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ

- Học phần cung cấp những tri thức đại cương như trình bày những đặc điểm cơ bản về tiếng Việt; cung cấp phần tri thức chuyên sâu như trình bày các đơn vị, các mặt cụ thể liên quan về mặt ứng dụng tiếng Việt. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên thực hành như phân tích, soạn thảo các văn bản thông dụng tiếng Việt. Những tri thức cơ bản và hiện đại về Tiếng Việt làm cơ sở đối chiếu ngôn ngữ.

10.8. Cơ sở văn hóa Việt Nam 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần gồm có 3 chương, cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về khái niệm văn hóa, văn hóa học, phân biệt văn hóa với các khái niệm gần gũi như văn minh, văn hiến, văn vật; khái quát tiến trình văn hóa Việt Nam và các thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam.

10.9. Dẫn luận ngôn ngữ học 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu được một ngôn ngữ đang học (Tiếng Việt, Tiếng Anh) làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

10.10. Tiếng Anh 1 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đạt tối thiểu 181 điểm trong kỳ thi Kiểm tra Đầu vào Tiếng Anh

- Học phần tiếng Anh 1 gồm 6 đơn vị bài học với nhiều chủ đề khác nhau như personality, sports, landscapes, cinema, shops, electronic devices,..giúp sinh

viên trau dồi từ vựng và các cấu trúc câu đa dạng ở các tình huống thực tế trong cuộc sống như trao đổi thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm... thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc học phần sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng ở trình độ A2 theo Khung năng lực châu Âu, tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

10.11. Tiếng Anh 2 **3 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết : Tiếng Anh 1

- Học phần tiếng Anh 2 gồm 4 đơn vị bài học với đa dạng chủ đề trong cuộc sống công việc, trường học, giải trí,..giúp sinh viên trau dồi từ vựng và các cấu trúc câu thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc học phần sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng ở trình độ B1- theo Khung năng lực châu Âu, tương đương bậc 3- theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

10.12. Tiếng Việt nâng cao 1 ` 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Chứng chỉ Tiếng Việt dự bị đại học

- Học phần này gồm 12 bài học (từ bài 1-12) với các chủ điểm khác nhau về trường học, tầm quan trọng của sách vở, các tập tục, ngày Tết, ngày lễ hội của Việt Nam. Mỗi đơn vị bài học gồm 4 phần: đọc, ngữ pháp, nghe, luyện tập. Phần luyện tập được thiết kế dưới dạng rèn luyện đọc hiểu, thực hành ngữ pháp, nghe hiểu, nghe viết, kể chuyện nhằm rèn luyện, củng cố và nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học.

10.13. Tiếng Việt nâng cao 2 **3 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt nâng cao 1

- Học phần này gồm 12 bài học (từ bài 1-12) với các chủ điểm khác nhau về trường học, tầm quan trọng của sách vở, các tập tục, ngày Tết, ngày lễ hội của Việt Nam. Mỗi đơn vị bài học gồm 4 phần: đọc, ngữ pháp, nghe, luyện tập. Phần luyện tập được thiết kế dưới dạng rèn luyện đọc hiểu, thực hành ngữ pháp, nghe hiểu, nghe viết, kể chuyện nhằm rèn luyện, củng cố và nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học.

10.4. Tin học đại cương **3 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học bao gồm: Phần những hiểu biết cơ bản về tin học trình bày các kiến thức như thông tin và biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; sử dụng tiếng Việt trong windows và cuối cùng là bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. Phần tin học văn phòng trình bày ba phần mềm thông dụng của hãng Microsoft là MS Word. MS Excel và

MS Powerpoint. Phần sử dụng internet và E-mail trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL.

10.15. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1（综合汉语 I） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần này được tiến hành vào kỳ thứ nhất của năm học thứ nhất, với số lượng là 20 bài (từ bài 1 đến bài 20) với 12 chủ điểm, chia cho 45 tiết. Các phần được dạy một cách có hệ thống. Ngoài ra, có bổ sung kiến thức từ các hoạt động và bài tập bên ngoài từ nguồn sách tham khảo và internet. Mỗi bài học gồm có 5 phần chính: Từ vựng, Bài khóa, Chú thích, Ngữ âm và Bài tập, (từ bài 16 đến bài 20 có thêm phần ngữ pháp). Trong phần Bài tập luôn có phần để người học thực hành những kiến thức đã học trong mỗi bài và các bài trước đó.

10.16. Trung Quốc tổng hợp 2 （综合汉语 II） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1

- Học phần này được tiến hành vào kỳ thứ hai của năm học thứ nhất, với số lượng là 12 chủ điểm chia cho 45 tiết. Các phần được dạy một cách có hệ thống. Ngoài ra, có bổ sung kiến thức từ các hoạt động và bài tập bên ngoài từ nguồn sách tham khảo và internet. Mỗi bài học gồm có 5 phần chính: Từ vựng, Bài khóa, Chú thích, Ngữ âm và Bài tập, (từ bài 16 đến bài 20 có thêm phần ngữ pháp). Trong phần Bài tập luôn có phần để người học thực hành những kiến thức đã học trong mỗi bài và các bài trước đó.

10.17. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3 （综合汉语 III） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2

- Học phần này gồm 12 bài chính được dạy một cách có hệ thống với trình độ tiếng Trung sơ cấp. Ngoài ra, có bổ sung kiến thức từ các hoạt động và bài tập bên ngoài từ nguồn sách tham khảo và internet.

10.18. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4 （综合汉语 IV） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3

- Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4 là học phần tiếp nối Tiếng Trung tổng hợp 3, nhằm cung cấp, nâng cao trình độ của sinh viên về các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Học phần này được dạy trong 45 tiết trên lớp, chủ yếu nhấn mạnh phát triển và nâng cao năng lực ngôn ngữ tiếng Trung Quốc cho người học, năng lực giao tiếp. Môn học này thông qua các chủ đề đoạn văn để giúp sinh viên nắm vững được một số vấn đề trong cuộc sống.

10.19. Kỹ năng Nghe 1 (听力技能一) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung tổng hợp 1

- Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề trong cuộc sống thường ngày như thói quen thời gian, khí hậu của đất nước Trung Quốc, các món ăn và thói quen ăn uống của người Trung Quốc, trường học ở Trung Quốc cũng như những đặc trưng nghề nghiệp của họ, các vấn đề về mua bán, trao đổi thông tin, trả giá, màu sắc, các môn thể thao được ưu chuộng hiện nay của Trung quốc, giao thông và các phương tiện di chuyển ở Trung Quốc.

10.20. Kỹ năng Nghe 2 (听力技能二) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe 1

- Học phần kỹ năng Nghe 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các thông báo, biển báo chỉ dẫn, phong cảnh đất nước Trung Quốc, cách hỏi đường cũng như địa điểm cần tìm, về sức khỏe hay tích cách con người, các câu chúc mừng ngày lễ, công nghệ thông tin, phương tiện giao thông hiện đang vận hành hiện nay ở Trung Quốc, các cách thức và thủ tục thi cử ở Trung Quốc.

10.21. Kỹ năng Nghe 3 (听力技能三) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe 2

- Học phần kỹ năng Nghe III cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phong cách sống cũng như quan niệm thời hiện đại của người dân Trung Quốc, thái độ, hành vi và cách cư xử của con người, quan niệm về nam nữ theo truyền thống và hiện đại, suy nghĩ, tư tưởng về nghề nghiệp, mơ ước hiện nay của giới trẻ.

10.22. Kỹ năng Nói 1 (口语一) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung tổng hợp 2

- Học phần này cũng cố lại phát âm cho sinh viên, nhận biết đồ vật, sự vật, cho học sinh nhìn tranh và nói một số chủ đề đơn giản, thong qua các cấu trúc ngữ pháp đơn giản cùng nhau đối thoại, trình bày những chủ đề như giới thiệu bản thân, bạn bè, gia đình, chào hỏi hàng ngày, mua sắm, cách đi tới các khu trung tâm, hỏi thời gian, miêu tả được các sự kiện xảy ra trong đời sống hàng ngày. Kết thúc học phần này sinh viên có thể phát âm chuẩn những thanh mẫu, vận mẫu và những thanh điệu mà tiếng mẹ đẻ không có, làm cơ sở để sinh viên có một khả năng khẩu ngữ tốt cho sau này.

10.23. Kỹ năng Nói 2 (口语二) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nói 1

- Học phần Kỹ năng Nói II cung cấp một số từ vựng và cấu trúc ở mức độ tiền trung cấp để sinh viên có thể diễn đạt về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, du lịch, thông qua các hình thức thảo luận, diễn thuyết. Miêu tả được các sự kiện xảy ra trong đời sống hàng ngày bằng việc sử dụng được các cấu trúc và ngữ pháp cơ bản.

10.44. Kỹ năng Nói 3 (口语三) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nói 2

- Học phần này là học phần cung cấp các điểm ngữ pháp ở cấp độ trung cao cấp để sinh viên có thể làm các hoạt động diễn thuyết về các chủ đề nông thôn, thành thị, ngôn ngữ, xã hội. Ngoài ra còn sử dụng các cấu trúc câu phức để nói về công việc, gia đình, xã hội, văn học. Kết thúc học phần này sinh viên có thêm một số hiểu biết về cuộc sống con người ở các vùng lãnh thổ trên đất nước Trung Quốc.

10.25. Kỹ năng đọc – viết 1 (读-写技能 I) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ âm văn tự

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết tiếng Trung ở trình độ tiền sơ cấp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên Kỹ năng đọc – viết 2.

10.26. Kỹ năng đọc – viết 2 (读-写技能 II) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc – viết 1

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết tiếng Trung ở trình độ sơ cấp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên Kỹ năng đọc – viết 3.

10.27. Kỹ năng đọc – viết 3 (读-写技能 III) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc – viết 2

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết tiếng Trung ở trình độ tiền trung cấp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên Kỹ năng đọc – viết 4.

10.28. Kỹ năng đọc – viết 4 (读-写技能 IV) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết:Kỹ năng đọc - viết 3

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết tiếng Trung ở trình độ trung cấp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên biên phiên dịch và các môn học chuyên ngành khác ở trình độ cao cấp.

10.29. Ngữ pháp tiếng Trung (语法) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4**

- Học phần này gồm 12 chủ điểm trọng yếu của ngữ pháp tiếng Trung như trợ từ 的、得、地，bổ ngữ, định ngữ, giới từ, ...

10.30. Tiếng Trung cổ đại（古代汉语） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung tổng hợp 4, Ngữ pháp tiếng Trung

- Tiếng Trung cổ đại là môn cơ sở của chuyên ngành Ngôn ngữ và văn tự tiếng Trung Quốc, đồng thời cũng là môn cơ bản của chuyên ngành dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài. Nội dung môn học chủ yếu bao gồm: kiến thức chung về tiếng Trung Quốc cổ, tuyển chọn giảng một số tác phẩm bằng tiếng Trung Quốc cổ và phân tích một số từ thường dùng. Phần kiến thức chung chủ yếu cung cấp các kiến thức lí luận cơ sở về văn từ học, từ vựng học, ngữ pháp học. Ngoài ra còn đề cập tới các vấn đề như âm vận học và thư từ cổ.

10.31. Đất nước học Trung quốc （中国概况） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng trung học phần 4 và các học phần kỹ năng

- Đất nước học Trung Quốc là môn học giới thiệu, hướng dẫn đọc và phân tích một số vấn đề về Trung Quốc như địa lý, dân số, dân tộc, chế độ chính trị,kinh tế, khoa học giáo dục, tư tưởng, nghệ thuật, tập tục, du lịch, ngoại giao ... cho người học. Trên cơ sở đó sinh viên có thể tự mở rộng kiến thức của mình và đối chiếu so sánh với Việt Nam.

10.32. Văn hóa Trung Quốc （中国文化） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về văn hóa truyền thống và phong tục đời sống hằng ngày của người Trung Quốc làm nền tảng cho tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa.

10.33. Giao thoa văn hóa (跨文化交际) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đất nước học Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc

- Học phần cung cấp cho người học hiểu các vấn đề về sự khác nhau và giống nhau giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Quốc, từ đó có cái nhìn khách quan giữa các nền văn hóa, tôn vinh và quảng bá các nét đẹp văn hóa đặc sắc của Việt Nam đến bạn bè quốc tế. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ.

10.34. Trích giảng văn học Trung Quốc （中国文学） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung tổng hợp 4

- Học phần này tiến hành giới thiệu cho sinh viên 6 tác phẩm văn học tương đương với 6 tác giả nổi tiếng của Trung Quốc, có thời lượng 45 tiết (mỗi tiết 50 phút) được thực hiện trong 12 tuần.

10.35. Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc (现代汉语语音文字) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc là môn học được thực hiện vào học kỳ 1 năm thứ nhất của chương trình trình độ đại học hệ chính quy ngành ngôn ngữ Trung Quốc. Ngữ âm - Văn tự được soạn thảo dựa trên cơ sở người học

lần đầu học tiếng Trung. Môn học này gồm có cách phát âm các âm tiết trong tiếng Trung, , lịch sử ra đời và phát triển của chữ Hán, cấu tạo của chữ Hán.

10.36. Từ vựng học tiếng Trung（中文词汇学） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ âm văn tự, tiếng Trung tổng hợp 2

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về từ vựng học, cách cấu tạo từ, cụm từ, các loại từ như hư từ, thực từ; giúp người học hiểu rõ hơn về từ vựng tiếng Trung để từ đó có cách dùng chính xác hơn. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên các môn học như: ngữ pháp, biên phiên dịch.

10.37. Ngữ dụng học （语用学） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung tổng hợp 4, Ngữ pháp tiếng Trung

- Học phần này giới thiệu các khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học, mối quan hệ của môn học với các ngành tiếp cận, các vấn đề liên quan đến ngữ nghĩa từ, ngữ nghĩa câu (phát ngôn) của tiếng Trung.

10.38. Hán Nôm (汉喃) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp, phiên dịch nâng cao, biên dịch nâng cao

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về chữ Hán, chữ Nôm, sự khác nhau giữ chữ Hán và chữ Nôm, người học được làm quen với các văn bản Hán cổ và các văn bản chữ Nôm. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ.

10.39. Cú pháp học tiếng Trung Quốc (汉语句法学) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết : Tiếng Trung tổng hợp 4

- Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức ngữ pháp về câu, cú pháp tiếng Trung Quốc như Đoản ngữ trong tiếng Trung, các thành phần trong câu, liên từ, câu phức. Kết thúc học phần, sinh viên có được lượng kiến thức về ngữ pháp đủ để tiếp tục học tiếp các học phần liên quan đến dịch và viết các bài văn, tham luận, tiểu luận.

10.40. Biên dịch 1 (笔译 I) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề các kỹ năng biên dịch ở trình độ sơ cấp, giúp các người học làm quen với các vấn đề cơ bản trong biên dịch, hiểu được sự khác nhau giữa biên dịch và phiên dịch, người học được thực hành dịch các vấn đề cơ bản ở một số lĩnh vực thường gặp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên môn học biên dịch 2.

10.41. Biên dịch 2 (笔译 II) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 1

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề các kỹ năng biên dịch ở trình độ trung cấp, giúp các người học làm quen với các vấn đề nâng cao trong biên dịch, người học được thực hành dịch các vấn đề mức độ cao hơn ở một số lĩnh vực thường gặp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên môn học biên dịch 3.

10.42. Biên dịch nâng cao（高级笔译） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 3

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề các kỹ năng biên dịch ở trình độ chuyên sâu, giúp các người học làm quen với các vấn đề chuyên sâu trong biên dịch, người học được thực hành dịch các vấn đề mức độ chuyên sâu ở một số lĩnh vực thường gặp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên môn biên dịch thương mại.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần Phiên dịch I này chủ yếu cung cấp cho người học một số kiến thức phiên dịch cơ bản tổng quát, giúp họ rèn luyện các kĩ năng phiên dịch. Ở học phần này chủ yếu tìm hiểu về văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc thông qua các chủ điểm giao tiếp thông dụng. Kết thúc học phần này giúp sinh viên phân biệt được các loại phiên dịch, dịch nói, dịch viết, dịch tốc ký, nhuần nhuyễn về các cách dịch nói trong các chủ đề dịch văn phòng, dịch ngoại giao, dịch giao tiếp hội họp ở mức độ đơn giản.

10.43. Phiên dịch 1 (翻译一) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần Phiên dịch I này chủ yếu cung cấp cho người học một số kiến thức phiên dịch cơ bản tổng quát, giúp họ rèn luyện các kĩ năng phiên dịch. Ở học phần này chủ yếu tìm hiểu về văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc thông qua các chủ điểm giao tiếp thông dụng. Kết thúc học phần này giúp sinh viên phân biệt được các loại phiên dịch, dịch nói, dịch viết, dịch tốc ký, nhuần nhuyễn về các cách dịch nói trong các chủ đề dịch văn phòng, dịch ngoại giao, dịch giao tiếp hội họp ở mức độ đơn giản.

10.44. Phiên dịch 2 (翻译二) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch I

- Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức phiên dịch cơ bản và nâng cao tổng quát, giúp sinh viên rèn luyện các kĩ năng phiên dịch, tìm hiểu về văn hoá, lịch sử, văn học của người Trung Quốc thông qua các chủ điểm giao tiếp thông dụng, trình độ trung cấp. Kết thúc học phần này sinh viên sẽ nắm bắt được

các kỹ năng dịch bảo đảm, thích hợp ở cấp độ từ vựng và ngữ pháp, có kỹ năng ghi chép nhanh, hiệu quả trong dịch khẩu ngữ, kỹ năng dịch hội nghị, thương mại, du lịch, báo chí.

10.45. Phiên dịch 3 (翻译三) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch I I

- Học phần này học cung cấp cho người học một số kiến thức phiên dịch nâng cao chuyên sâu như nắm bắt được các dạng dịch về tình hữu nghị trong quan hệ ngoại giao, các loại văn học, thư tín hàng ngày, các cấu trúc khi thực hành dịch nói trong dịch thông tấn, dịch thời sự thời tiết.

10.46. Lý thuyết dịch (翻译理论) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung tổng hợp 3, ngữ pháp

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về lí luận biên phiên dịch, các phương pháp phiên dịch thường dùng trong quá trình biên dịch và phiên dịch, tạo tiền đề cho người học vận dụng các kiến thực học được vào việc thực hành dịch. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên các môn học như: Biên dịch, phiên dịch.

10.47. Phiên dịch thương mại (商务口译) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch nâng cao

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề về phương pháp phiên dịch trong ngành thương mại, người học sẽ được nắm bắt các thuật ngữ thường dùng trong ngành thương mại, người học được thực hành các văn bản, trường hợp thường gặp trong ngành thương mại. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên các môn học chuyên sâu hơn như: Hán Nôm, giao thoa văn hóa.

10.48. Biên dịch thương mại (商务笔译) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về biên dịch ngôn ngữ tiếng Trung Quốc như trong lĩnh vực quản lý và hoạt động kinh doanh thương mại, tạo cơ hội cho sinh viên được rèn luyện những tình huống trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Học xong học phần này sinh viên sẽ nắm bắt được các dạng dịch viết liên quan đến thương mại như giao dịch, kí kết hợp đồng, quản lý tín dụng, đền bù, nhập khẩu xuất khẩu.

10.49. Tiếng Trung công sở （公司汉语） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tiếng Trung công sở gồm 12 đơn vị bài học, có thời lượng là 45 tiết (mỗi tiết 50 phút) được phân bổ đều trong một học kì 12 tuần. Học phần cung cấp các

kiến thức cơ bản của ngôn ngữ tiếng Trung Quốc được sử dung trong lĩnh vực quản lý và hoạt động văn phòng công sở, tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp thu các thuật ngữ văn phòng và các kỹ năng công việc văn phòng,công sở.

10.50. Tiếng Trung thương mại 1 （商务汉语 I） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần gồm 12 đơn vị bài học, có thời lượng là 45 tiết, được phân bổ đều trong một học kì 12 tuần. Học phần cung cấp các kiến thức trung cấp của ngôn ngữ tiếng Trung Quốc được sử dung trong lĩnh vực quản lý và hoạt động kinh doanh thương mại, tạo cơ hội cho sinh viên được rèn luyện những tình huống trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

10.51. Tiếng Trung thương mại 2 （商务汉语 II） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung thương mại 1

- Học phần là sự nối tiếp và nâng cao kiến thức so với môn Tiếng Trung thương mại 1, gồm 12 đơn vị bài học, có thời lượng là 45 tiết, được phân bổ đều trong một học kì 12 tuần.

10.52. Tiếng Trung du lịch-khách sạn （旅游-宾馆汉语） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần gồm 12 bài, nội dung khái quát mới quan hệ giữa du lịch và khách sạn, Cấu trúc của từng bài được sắp xếp khoa học bao gồm các kiến thức tổng hợp, chú trọng nâng cao kỹ năng nghe, đọc hiểu lý giải, hoàn thiện các kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên. Hình thức và nội dung bài tập phong phú, đa dạng giúp sinh viên kiểm tra lại kiến thức bản thân một cách hiệu quả nhất.

10.53. Tiếng Trung du lịch 1 （旅游汉语 I） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

-Tiếng Trung du lịch 1 là môn học giới thiệu cơ bản cho người du lịch về những tình huống, những địa điểm sẽ gặp qua trong hành trình du lịch của mình; cách xử lý trong những tình huống xảy ra. Trên cơ sở đó sinh viên có thể tự mở rộng kiến thức và rút ra được cho mình bài học kinh nghiệm.

10.54. Tiếng Trung du lịch 2 （旅游汉语 II） 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng trung du lịch 1

- Tiếng trung du lịch 2 là môn học giới thiệu các cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng của Trung Quốc. Cấu trúc của từng bài được sắp xếp khoa học bao gồm các kiến thức tổng hợp, chú trọng nâng cao kỹ năng nghe, đọc hiểu lý giải, hoàn thiện các kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên. Ngoài ra bài học còn được trang bị các thiết bị hỗ trợ như các băng hình giới thiệu cảnh quan kèm lời hướng dẫn của các hướng dẫn viên giới thiệu các cảnh quan được đề cập tới trong bài học. Hình thức

và nội dung bài tập phong phú, đa dạng giúp sinh viên kiểm tra lại kiến thức bản thân một cách hiệu quả nhất.

10.55. Phiên dịch nâng cao (高级口译) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 3

- Học phần cung cấp cho người học các vấn đề các kỹ năng phiên dịch ở trình độ chuyên sâu, giúp các người học làm quen với các vấn đề chuyên sâu trong phiên dịch, người học được thực hành dịch các vấn đề mức độ chuyên sâu ở một số lĩnh vực thường gặp. Chương trình gồm có 10 bài học, được phân bổ thành 45 giờ tín chỉ. Môn học này là nền tảng để học lên môn phiên dịch thương mại.

10.56. Thực tập, học nghề 27 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ bản và cơ sở ngành

- Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên sẽ lựa chọn nội dung là thực tập 1 năm tại các doanh nghiệp Đài Loan thuộc Hiệp hội thương gia Đài Loan tại Việt Nam, hoặc đi thực tập nghề 1 năm tại Đài Loan theo chương trình vừa học vừa làm.

10.57. Thực tập tốt nghiệp 3 tín chỉ

Sinh viên sẽ thực tập theo Chương trình thực tập mà Khoa Ngoại ngữ kết hợp với các doanh nghiệp Đài loan để ban hành. Tại cơ sở thực tập sinh viên sẽ được các cán bộ của cơ sở hướng dẫn thực hiện các nội dung theo nội dung hoặc thực hiện các nội dung khác tùy theo tình hình thực tế của đơn vị, sinh viên còn được tham gia các hoạt động thực tế của đơn vị, tiếp xúc với các cán bộ chuyên trách để nâng cao các kỹ năng của nghê nghiệp

10.58. Báo cáo thực tập, Khóa luận TN hoặc 2 HP thay thế 6 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: tham gia một trong hai hoạt động thực tập như đã nói hoặc đã hoàn thành 6 học phần thay thế.

- Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên tiến hành làm báo cáo thực tập ngay sau khi kết thúc 1 năm thực tập, nghiên cứu làm khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên, với một đề tài nghiên cứu thuộc các lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hoặc học 3 học phần thay thế.

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 8 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG (ký tên đóng dấu)	TP. ĐÀO TẠO	TRƯỞNG KHOA
PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ	ThS. Phan Đình Anh	TS. Nguyễn Gia Việt